

Bản án số: 39/2019/DS-ST

Ngày 09 - 5 - 2019

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị M, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Lê Hồng T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Ngô Thị M trình bày: Bà có tham gia chơi hụi trong các dây hụi do anh Lâm Thanh D và chị Lê Hồng T làm chủ đầu thảo, cụ thể:

- Dây hụi 500.000 đồng, mở vào ngày 30/3/2016 âm, 01 tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 81 chung, bà tham gia 01 chung. Quá trình tham gia hụi bà đã đóng hụi được 67 lần với số tiền 33.500.000 đồng.

- Dãy hội 500.000 đồng, mở ngày 15/10/2017 à, 01 tháng khui 02 lần, dãy hội gồm 54 chung, bà tham gia 01 chung. Chung hội này bà đóng hội được 26 lần với số tiền 13.000.000 đồng.

Đến ngày 26/12/2018, anh D, chị T tuyên bố đình hội nhưng không giao hội chết cho bà. Tổng số tiền hội anh D, chị T thiếu bà là 46.500.000 đồng. Nay bà yêu cầu anh D, chị T trả cho bà số tiền hội 46.500.000 đồng. Việc chị T làm chủ hội thì anh D có biết và mục đích là tạo thu nhập chung trong gia đình. Do đó bà yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả nợ với chị T.

Danh sách hội viên ghi tên Đ – là con bà nhưng người trực tiếp giao dịch hội với anh D, chị T là bà và tại buổi hòa giải ở địa phương thì chị T cũng thừa nhận có nợ tiền hội của bà.

Chị Lê Hồng T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian mở hội, loại hội, số chung hội bà M tham gia như trên. Việc chị tuyên bố đình hội là do các hội viên hốt hội nhưng không đóng lại hội nên không có khả năng lấp hội. Người tên Đ trong danh sách hội viên là con ruột bà M, người trực tiếp giao dịch hội với chị là bà M, không có liên quan gì đến anh Đ. Nay chị thống nhất trả cho bà M tổng số tiền 46.500.000 đồng. Việc chị làm đầu thảo thì anh D không biết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác. Chị T yêu cầu được trả tiền vốn hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị M khởi kiện yêu cầu anh Lâm Thanh D và chị Lê Hồng T trả tiền hội là vụ kiện tranh chấp hội, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hội và còn nợ tiền hội với số tiền 46.500.000 đồng là thực tế có xảy ra, việc này được bà M và chị T thừa nhận. Nay bà M yêu cầu anh D và chị T trả 46.500.000 đồng, chị T đồng ý, nhưng chị T chỉ đồng ý một mình chị trả, chị không đồng ý việc anh D cùng trả.

[4] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T xác định việc chị mở hội và nợ hội thì anh D không biết, không đồng ý, không trực tiếp gom hội nên khoản nợ hội này là nợ riêng của chị, không phải nợ chung của chị và anh D. Xét thấy: Việc chị T làm chủ hội trong khoảng thời gian dài, chị T và anh D đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân, chị T và anh D đang sống chung một nhà. Ngoài ra, việc chị T làm chủ hội cũng vì mục đích được nhận khoản tiền hoa hồng

để phục vụ các sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định khoản nợ tiền hui nêu trên là khoản nợ chung của chị T và anh D được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó chị T và anh D phải có nghĩa vụ trả khoản tiền nợ hui nêu trên cho bà Mai là phù hợp.

[5] Xét về khoản tiền phải trả, thấy rằng: Mặc dù giữa bà M và chị T đã thỏa thuận được số tiền phải trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T yêu cầu được trả tiền vốn hui, chị xin không trả lãi hui, việc này nguyên đơn không đồng ý. Mặt khác, bà M và chị T không nhớ, không có sổ sách ghi chép số tiền thực tế đã đóng của mỗi kỳ khai hui và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện số tiền vốn hui là bao nhiêu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận khoản tiền vốn, lãi 13.200.000 đồng theo thỏa thuận của hai bên là có căn cứ.

[6] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: 46.500.000 đồng x 5% = 2.325.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M.

1. Buộc chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Mai số tiền là 46.500.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày bà Ngô Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị T, anh D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.325.000 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thịnh